

Bản án số: 1238/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Nam**

2. Bà **Phan Thanh Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Hà Thanh Bình** – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 392/2016/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2016 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3498/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6771/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Hồng D**, sinh năm 1981

Địa chỉ: số 157/1 Đường C2, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Fujii K**, sinh năm 1984

Địa chỉ: 513-0828 M, S-City, A-Town, 13-25 R E 1H, Japan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 26/8/2016 và bản tự khai ngày 28/11/2016, nguyên đơn bà **Đặng Thị Hồng D** trình bày:

Trong thời gian bà làm việc tại Nhật, bà quen biết ông **Fujii K**; sau đó năm 2014 hai bên tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, bà ở Việt Nam còn chồng trở lại Nhật Bản. Vợ chồng liên lạc với nhau qua điện thoại và email. Ông **Fujii K** có về Việt Nam thăm bà 02 lần, sau đó thì việc liên lạc thưa dần và tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt. Nguyên nhân do vợ chồng ở xa không có điều kiện và thời gian chăm sóc, quan

tâm lẫn nhau. Từ tháng 10/2014 đến nay giữa đôi bên đã chấm dứt mọi liên lạc. Bà xác định không còn tình cảm với chồng, không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: không có

Về tài sản chung: không có.

Bị đơn ông Fujii K cư trú ở Nhật Bản, Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, đã gửi Văn bản thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 444/TATP-TGĐVNCTN ngày 17/7/2018. Theo nội dung tại Thông báo nêu trên thì thời gian mở phiên tòa lần 1 vào ngày 17/4/2019, thời gian mở phiên tòa lần 2 vào ngày 17/5/2019 (nếu nhận được kết quả tổng đạt), ngày 30/7/2019 (nếu không nhận được kết quả tổng đạt). Văn bản đã được Bộ Tư pháp gửi đến Bộ Ngoại giao Nhật Bản vào ngày 30/8/2018. Ngày 27/02/2019, Tòa án nhận được văn bản của Bộ Tư pháp thông báo Cơ quan có thẩm quyền của Nhật Bản không thực hiện được ủy thác nêu trên, lý do không thể xác nhận được việc cư trú của người nhận.

Bà D có lời khai không cung cấp được chính xác địa chỉ của ông Fujii K để liên lạc và yêu cầu Tòa án thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài. Ngày 01/4/2019, Tòa án có văn bản số 167/TAND-CV thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản về thời gian mở phiên tòa lần 1 vào lúc 8g00 ngày 28/8/2019, thời gian mở phiên tòa lần 2 vào lúc 8g00 ngày 26/9/2019. Văn bản gửi đi ngày 11/4/2019.

Tòa án không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông Fujii K; đến ngày mở phiên tòa ông Fujii K không có mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thủ tục ủy thác tư pháp, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Đặng Thị Hồng D được ly hôn ông Fujii K. Con chung: không có. Tài sản chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Đặng Thị Hồng D đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Fujii K cư trú tại Nhật Bản; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a

khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn bà Đặng Thị Hồng D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Fujii K vắng mặt đến lần thứ 2. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Đặng Thị Hồng D và ông Fujii K tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ số 1227, quyển số 07 ngày 21/5/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp.

Theo lời khai của bà Đặng Thị Hồng D thì sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn, ông Fujii K quay về Nhật Bản. Vợ chồng liên lạc với nhau qua điện thoại và email được khoảng thời gian ngắn thì tình cảm lạnh nhạt, rạn nứt do không có điều kiện sống chung để quan tâm, chăm sóc nhau. Từ tháng 10 năm 2014 đến nay, vợ chồng chấm dứt mọi liên lạc. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân nên có yêu cầu ly hôn.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, bà D xác định không còn tình cảm với chồng. Ông Fujii K cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, từ lúc bà D nộp đơn ly hôn đến khi Tòa án xét xử ông chưa lần nào về Việt Nam để hòa giải mong muốn vợ chồng đoàn tụ, bỏ mặc mạnh ai nấy sống trong thời gian dài. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà D.

Về con chung: bà D khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: bà D khai không có. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 200.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469; Điều 474; Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Hồng D được ly hôn ông Fujii K.

Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ số 1227, quyển số 07 ngày 21/5/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: bà D khai không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà D khai không có.

Nếu có tranh chấp về con chung, tài sản chung, nợ chung các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 200.000 đồng bà Đặng Thị Hồng D nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cản trừ tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng bà D đã nộp tại Biên lai thu số AA/2016/0031164 ngày 23/9/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà D đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Đặng Thị Hồng D và bị đơn ông Fujii K; bà Đặng Thị Hồng D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Fujii K được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Thị Nhung